TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **50** /2021/HS-ST Ngày 30-9-2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Ông Tán Nghị

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Vũ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Vang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Châu Đình Q sinh năm 1995 tại Quảng Bình; nơi ĐKNKTT: Xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Thủ kho; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Đình C (s) và bà Phan Thị G (s); gia đình có 02 người con, bị cáo là con đầu; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Quang D, sinh năm 1991 tại Quảng Bình; nơi ĐKNKTT: Xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: Xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T (s) và bà Trương Thị Th (s); gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: **Công ty TNHH V**; địa chỉ: Xã H, huyện H, tp Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn Ch**- Giám đốc công ty; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1/ Ông **Trần Hoàng Th**, sinh năm 1988; địa chỉ: Xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2/ Ông **Nguyễn Hoàng L**, sinh năm 1996; địa chỉ: 138 H, tp Đà Nẵng; có mặt.

3/ Ông **Nguyễn Ngọc K**, sinh năm 1984; địa chỉ: Xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

4/ Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1966; địa chỉ: Xã H, huyện H, tp Đà Nẵng; vắng mặt.

5/ Ông **Ông Văn L**, sinh năm 1969; địa chỉ: Xã H, huyện H, tp Đà Nẵng; có mặt.

6/ Bà **Đoàn Thị Ngọc T**, sinh năm 1994; địa chỉ: Xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

7/ Bà **Huỳnh Thị Mai D**, sinh năm 1998; địa chỉ: Xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

8/ Bà **Đặng Thị Minh A**, sinh năm 1984; địa chỉ: xã H, huyện H, tp Đà Nẵng; có mặt.

9/ Bà **Phan Thị Minh Th**, sinh năm 1996; địa chỉ: xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH V được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư TP Đà Nẵng cấp ngày 11/12/2019; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn Ch – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty.

Ngày 01/5/2018, Phan Quang D được Công ty ký Hợp đồng lao động vào làm việc với nhiệm vụ là nhân viên lái xe tải 1,4 tấn. Ngày 01/12/2018, Châu Đình Q được Công ty ký Hợp đồng lao động vào làm việc với nhiệm vụ là Thủ kho kiêm lái xe nâng hàng. Qua làm việc tại Công ty, D và Q mới quen biết và thường xuyên liên lạc với nhau. Ngày 03/12/2020, D qua phòng trọ của Q tại thôn Q, xã H để chơi. Do nợ tiền bạn bè nên Q nói với D: "Đợt ni em kẹt tiền, anh có chỗ mô kiếm em ít trả nợ với". D nói: "Anh không có" thì Q mới nảy sinh ý định chiếm đoạt gạch men của Công ty để lấy tiền trả nợ, Q nói: "Em có gạch đây anh chỉ em bán với ! Chứ em ở trong kho không biết cách". Ban đầu, Q bàn với D lấy gạch từ Công ty bằng cách D cho xe vào kho rồi Q bốc lên chở ra khỏi Công ty. Tuy nhiên, cả hai thấy cách làm này dễ bị phát hiện nên chưa thống nhất được cách thức chiếm đoạt gạch từ Công ty. Lúc này, D đồng ý tìm cách chiếm đoạt gạch men từ Công ty để cho Q lấy tiền trả nợ và trả lời Q là: "để anh lo". Đến tối ngày 04/12/2020, D tiếp tục qua phòng trọ của Q để bàn cách thức lấy gạch từ Công ty, D nói "Để anh kêu thị trường ra Phiếu giao hàng và đem hàng đi bán. Khi về thì không có hàng thì mình nói với Công ty là nhập

hàng trả lại". Thấy cách thức chiếm đoạt này khó bị phát hiện, Q thống nhất theo cách làm của D.

Đến khoảng 07 giờ 30 phút ngày 05/12/2020, D điện thoại cho anh Trần Hoàng Th là nhân viên thị trường của Công ty; là chủ Cửa hàng cung cấp, phân phối gạch men Lâm Th (Bảo L) nhờ Th đặt số hàng 42 hộp, 02 viên gạch men, kích thước (60x60)cm, loại 1, mã số TS5-600. Việc đặt số gạch nêu trên thì D và Q cũng thống nhất để Công ty không nghi ngờ. Anh Th điện thoại cho Phòng Kinh doanh của Công ty và đặt mua số hàng trên. Phòng Kinh doanh lập Phiếu giao hàng rồi chuyển xuống Tổ kho để ra Lệnh xuất kho. Sau đó, anh Nguyễn Ngọc K là tổ trưởng tổ kho ký Lệnh xuất kho tương ứng với số hàng trên rồi giao cho Quản đốc tên là Phạm Thị Minh Th để phân phối Phiếu giao hàng cho lái xe chở hàng. Lúc này, D đứng đợi sẵn tại bàn làm việc của chị Th rồi nói: "Phiếu giao hàng đó của em!" rồi chị Th đưa cho D. D nhận Phiếu giao hàng (03 liên) và Lệnh xuất kho rồi đưa cho Thủ kho kiêm lái xe nâng hàng tên là Nguyễn Hoàng L để nâng hàng ra xe. Sau khi đã bốc đủ hàng lên xe ô tô biển số 43C-XXXXX (bao gồm 01 pallet 40 hộp, 02 hộp, 02 viên). Khi ra khỏi cổng Công ty, D điện thoại báo cho Q biết là mình đã lấy gạch chở đi. Sau đó, D chở 42 hộp, 02 viên gạch men đến đường N, thành Đà Nẵng thì phát hiện có một ngôi nhà đang xây. D dừng xe lại rồi bán cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) 35 hộp gạch men với giá 7.000.000 đồng. Bán xong, khoảng gần 11 giờ 00 phút cùng ngày, D điện thoại báo cho Q biết rồi điều khiển xe đến đường L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng giấu số gạch còn lại (07 hộp, 02 viên). Do lúc này thấy còn sớm, nếu vào Công ty thì sẽ đông người và dễ bị phát hiện, D điều khiển xe ô tô về phòng trọ của mình tại thôn Q, xã H. Đợi đến 12 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe ô tô đến Công ty, đi qua cổng mà không bị bảo vệ phát hiện. Trong lúc này, Q đang ở kho của Công ty thì điều khiển xe nâng hàng nâng 01 pallet gạch (40 hộp) vào đúng vị trí thủ kho Nguyễn Hoàng L đã lấy hàng vào buổi sáng. Tại kho, D gặp Q rồi đưa cho Q 7.000.000 đồng tiền bán gạch. Q đưa lại cho D 1.500.000 đồng. Sau đó, D đến gặp anh Nguyễn Ngọc K và nói dối là khách không đồng ý nhận hàng, đề nghị kho nhập hàng trả lại. Anh K đi kiểm tra hàng trả lại thì phát hiện thiếu 02 hộp, 02 viên thì mới hỏi lại Q và D thì cả hai nói dối là do trong quá trình vận chuyển nên làm vỡ. Lúc này, anh K lập biên bản D và Q về việc không trung thực trong công việc và báo cáo lên lãnh đạo Công ty. Qua quan sát camera, Công ty phát hiện khi D điều khiển xe ô tô về lại Công ty thì đi xe không (không chở hàng) nhưng lại báo cáo với Công ty là khách nhập hàng trả lại. Nên ngày 27/02/2021 Công ty TNHH V gửi đơn trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H. Quá trình làm việc thì Châu Đình Q và Phan Quang D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 11/HĐĐG ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng định giá thường xuyên thuộc UBND huyện H kết luận: 42 hộp, 02 viên gạch men tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 14.688.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 48/CT-VKSHV ngày 13/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo Châu Đình Q và Phan Quang D về tội *"tham ô tài sản"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 353; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Châu Đình Q từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 353; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Quang D từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, còn đề cập đường lối xử lý về tang vật, vật chứng và tiền án phí.

Bị cáo Châu Đình Q và Phan Quang D nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Châu Đình Q và Phan Quang D đều là những người có chức vụ, quyền hạn và thực hiện nhiệm vụ tại Công ty TNHH V có trụ sở địa chỉ: Xã H, huyện H, tp Đà Nẵng, trong đó Q làm thủ kho tại bộ phận kho hàng kiêm lái xe nâng, còn D là lái xe của Công ty chuyên thực hiện việc giao nhận hàng cho Công ty. Để có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, cả hai bị cáo đã câu kết, bàn bạc phân công nhiệm vụ từ trước để lấy tài sản của Công ty nên đến ngày 05/12/2020 cả hai đã chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH V là 42 hộp, 02 viên gạch men kích thước (60x60)cm, loại 1, mã số TS5-600 để mang đi bán lấy số tiền 7.000.000 đồng chia nhau. Tổng giá trị tài sản mà Q và D chiếm đoạt của Công ty TNHH V theo kết quả định giá là 14.688.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng). Hành vi của bị cáo Châu Đình Q, bị cáo Phan Quang D đã phạm vào tội "*tham ô tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 353

Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Bị cáo Châu Đình Q và bị cáo Phan Quang D là những người được Công ty TNHH V ký kết Hợp đồng lao động có thời hạn vào làm việc tại Công ty TNHH V. Theo đó, bị cáo Châu Đình Q được Công ty ký Hợp đồng lao động vào làm việc với nhiệm vụ là Thủ kho kiêm lái xe nâng hàng, còn bị cáo Phan Quang D được Công ty ký Hợp đồng lao động vào làm việc với nhiệm vụ là nhân viên lái xe tải 1,4 tấn. Quá trình làm việc tại Công ty TNHH V các bị cáo đã lợi dụng chức vụ quản lý tài sản trong công việc được giao và lợi dụng sơ hở trong quy định, quy trình xuất nhập hàng hóa do khách hàng trả lại của Công ty TNHH V để câu kết chiếm đoạt tài sản là gạch men của Công ty đem bán lấy tiền tiêu xài. Các bị cáo nhận thức được rõ tài sản hợp pháp của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, không ai có quyền xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật. Nhận thức rõ được điều đó nhưng để có tiền trang trải cuộc sống, các bị cáo bất chấp hậu quả nên dẫn đến phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo Châu Đình Q và bị cáo Phan Quang D là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của Công ty TNHH V mà còn ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các doanh nghiệp, gây mất trật tự an ninh tại địa phương. Do đó, cần phải xử các bị cáo phạt nghiêm minh để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Xét vai trò phạm tội của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo phạm tội có tổ chức, có sự bàn bạc, phân công cụ thể, trong đó bị cáo Châu Đình Q là người giữ vai trò chủ mưu, thể hiện bị cáo Q là người khởi xướng, rủ rê bị cáo D chiếm đoạt gạch men của Công ty đem bán để lấy tiền trả nợ; bị cáo bàn bạc, thống nhất cao với kế hoạch chiếm đoạt mà bị cáo D đưa ra nhằm tránh bị Công ty phát hiện, để tránh bị phát hiện sau khi chiếm đoạt gạch men của Công ty, bị cáo là người trực tiếp điều khiển xe nâng hàng nâng 01 pallet gạch (40 hộp) vào đúng vị trí thủ kho Nguyễn Hoàng L đã lấy hàng vào buổi sáng nhằm che đậy hành vi chiếm đoạt tài sản, sau khi chiếm đoạt tài sản của công ty đem bán thì bị cáo là người được hưởng lợi 5.500.000 đồng.

Đối với bị cáo D là đồng phạm tích cực thể hiện khi được bị cáo Q khởi xướng, ru rê việc chiếm đoạt gạch men của Công ty TNHH V thì bị cáo đồng ý ngay, bị cáo là người chủ động lên kế hoạch chiếm đoạt gạch men của Công ty; bị cáo là người trực tiếp điện thoại cho anh Trần Hoàng Th là nhân viên thị trường của Công ty- chủ Cửa hàng cung cấp, phân phối gạch men Lâm Th (Bảo L) nhờ anh Th đặt số hàng 42 hộp, 02 viên gạch men, bị cáo chủ động đứng chờ Tổ trưởng tổ xuất kho để nhận Lệnh xuất kho và Quản đốc Công ty nhận Phiếu giao hàng, sau đó giao Phiếu giao hàng và Lệnh xuất kho cho Thủ kho kiêm lái xe nâng hàng tên là Nguyễn Hoàng L để nâng hàng ra xe nhằm hợp thức hóa số gạch men chiếm đoạt để chở ra bên ngoài bán. Bị cáo trực tiếp chở tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ và mang tiền về

giao cho bị cáo Q. Bản thân bị cáo là người được hưởng lợi 1.500.000 đồng trong khoản tiền thu lợi bất chính 7.000.000 đồng.

Với hành vi phạm tội có tổ chức của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm minh, bị cáo Châu Đình Q phạm tội với vai trò cao hơn nên phải chịu mức án cao hơn mức án bị cáo Phan Quang D mới tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra.

Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có.

Các tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; các bị cáo đã khắc phục thiệt hại cho Công ty, các bị cáo pham tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và xét thấy các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, nhân thân tốt và có ba tình giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần thiết áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định xử phạt các bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng cũng đủ tác dụng tối đa của hình phạt là nhằm giáo dục, răn đe và phòng chống tội phạm này trong giai đoạn hiện nay.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với cả hai bị cáo mức án như nhau từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm 06 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này của Kiểm sát viên là có căn cứ, tuy nhiên cần phải cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo, trong đó bị cáo Châu Đình Q vai trò chủ mưu phải chịu mức án cao hơn bị cáo Phan Quang D mới phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong vụ án này Công ty TNHH V bị thiệt hại tổng cộng là 14.688.000 đồng. Các bị cáo đã liên đới bồi thường thiệt hại xong cho công ty, trong đó bị cáo Châu Đình Q tự nguyện đền bù số tiền là 10.000.000 đồng, bị cáo Phan Quang D tự nguyện đền bù số tiền là 4.688.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật Công ty TNHH V không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số gạch 07 hộp, 02 viên bị cáo D giấu trước khi về lại Công ty TNHH V, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã tiến hành lập biên bản truy tìm tang vật nhưng không thu giữ được tang vật nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Trần Hoàng Th khi bị cáo D điện thoại nhờ anh Th đặt giùm 42 hộp, 02 viên gạch men, kích thước (60x60) cm, loại 1, mã số TS5-600 thì anh Th không biết mục đích của bị cáo D là để chiếm đoạt tài sản của Công ty TNHH V và anh Th cũng không hưởng lợi từ việc này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không đề cập xử lý là có cơ sở.

- Đối với người đàn ông đã mua 35 hộp gạch của bị cáo Phan Quang D với giá 7.000.000 đồng. Quá trình điều tra không xác định được địa chỉ, nhân thân lai lịch cụ

thể của người đàn ông mua số gạch trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau là có căn cứ nên tại bản án này không đề cập đến.

- Đối với việc Công ty TNHH V cho rằng Công ty bị thất thoát số lượng hàng hóa trong kho số tiền khoảng 1,3 tỷ đồng sau khi thực hiện việc kiểm kê kho hàng và các chứng từ sổ sách của Công ty đến tháng 12/2020. Tuy nhiên, Công ty không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ và cũng không biết được ai thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của Công ty, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không có cơ sở để xử lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Đối với việc bị cáo Châu Đình Q khai nhận có một số nhân viên trong Công ty TNHH V có hành vi chiếm đoạt tài sản của Công ty. Tuy nhiên bị cáo Q chỉ nghe người khác nói lại, bị cáo Q không trực tiếp chứng kiến việc chiếm đoạt tài sản từ khi nào, số lượng bao nhiêu và không cung cấp được tài liệu chứng cứ cụ thể. Vì vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện H không có cơ sở để giải quyết là có căn cứ nên không xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Châu Đình Q, bị cáo Phan Quang D phạm tội *"Tham ô tài sản"*.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 353; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Châu Đình Q** 03 (ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam ngày 30/ 9/2021.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 353; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Phan Quang D** 02 (hai) năm 06(sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam ngày 30/ 9/2021.

2. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Châu Đình Q, bị cáo Phan Quang D phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP. Đà Nẵng;*
- *VKSND TP. Đà Nẵng;*
- *Công an huyện H;*
- *VKSND huyện H;*
- *CCTHADS huyện H;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Đức Thọ